Giáo sư
VŨ ĐÌNH
(Biên dịch)

CK.0000069058

# CUỘC CHIẾN BÍ MẬT

UYÊN
IỆU

NHÀ XUẤT BẢN
HỒNG ĐỨC

**Giáo sư Vũ Đình Hiếu**

*(Biên dịch)*

# CUỘC CHIẾN BÍ MẬT

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

# LỜI NÓI ĐẦU

Sau cuộc chiến ở Việt Nam, nhiều chính khách cũng như sĩ quan cao cấp của Quân đội Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa đã dành khá nhiều giấy mực để lý giải, thanh minh cho những việc làm lầm lỡ, những tháng ngày quay lưng lại với chính dân tộc mình, cũng như trách nhiệm của họ trong cuộc chiến tranh phi nghĩa, tàn khốc, tương tàn, do Chính phủ Mỹ gây ra.

Khác với những chính khách, hay các tướng, tá khác, Giáo sư Vũ Đình Hiếu – dịch giả cuốn **"Cuộc chiến bí mật"**, là một cựu biệt kích quân Việt Nam Cộng Hòa, đã nhìn lại cuộc chiến với tâm tư của người lính một thời ngồi chung thuyền với những biệt kích quân "Mũ Nồi Xanh" của Mỹ. Vốn là những người cùng chung chiến tuyến, họ từng là lực lượng chuyên trách đánh phá hậu phương lớn miền Bắc và tiền tuyến lớn miền Nam. Họ trở thành lực lượng xung kích chuyên đánh phá tuyến đường mòn Hồ Chí Minh lịch sử bằng những thủ đoạn vô cùng thâm hiểm, tinh vi, hòng ngăn chặn sự chi viện của hậu phương lớn miền Bắc cho đồng bào miền Nam.

Phải sau cuộc chiến đến một phần tư thế kỷ, với cương vị là Giáo sư chuyên ngành Công nghệ Thông tin từng giảng dạy các trường đại học ở bang Texas (Mỹ) và hiện ông đang giảng dạy tại trường Đại học RMIT – một trường đại học quốc tế ở thành phố Hồ Chí Minh. Trong cuốn sách này Vũ Đình Hiếu dựa vào những tài liệu đã giải mã của Lầu Năm Góc như: *"SOG The Secret Wars Of Americas Comanandos in VietNam"* của John L. Plaster;

*"How American Lost The Secret War in VietNam"* của Kennenth Conboy Dale Andrale, United Press, 2000; và *"Why American Lost The Secret War in North VietNam"* của Kenneth Conboy Dale Andrale, United Press, 2000, cuốn sách kể lại những tháng ngày, mà không ít các cựu biệt kích quân Việt Nam Cộng Hòa vẫn lầm tưởng là "một thời vinh quang" ấy.

Thực ra, nguyên nhân chủ yếu thôi thúc Giáo sư Vũ Đình Hiếu dịch cuốn sách này, chính là thái độ thờ ơ, vô cảm, sự lạnh lùng, lãng quên, bỏ rơi của Chính phủ Mỹ đối với những cựu biệt kích quân đội Việt Nam Cộng Hòa, ngay trên đất Mỹ, mà một thời CIA từng tung hô họ là những "người hùng thời đại".

Mặc dù cái nhìn của các tác giả trong nguồn tư liệu còn nhiều sai lệch do cách nhìn nhận, cách nghĩ xuất phát từ lập trường chống Cộng thâm căn. Song dù sao, những trang dịch của Giáo sư Vũ Đình Hiếu đã miêu tả khá sinh động bản chất chống Cộng thâm căn, thủ đoạn nham hiểm của lực lượng biệt kích Lôi Hổ của Quân Đội Sài Gòn và biệt kích "Mũ Nồi Xanh" của Mỹ, đặt dưới bàn tay điều khiển của CIA, nhằm bớt xương máu của binh sĩ Mỹ trong cuộc chiến Việt Nam, đó là chính sách thực hiện âm mưu "dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh" của Mỹ.

Qua cuốn sách này, bạn đọc sẽ có thêm một tài liệu tham khảo về một sắc lính – Biệt kích – trong cuộc chiến tranh Việt Nam và Đông Dương.

*Tiến sĩ sử học* **Đinh Thu Xuân**

# CUỘC CHIẾN BÍ MẬT

Trong cuộc chiến Việt Nam có một lực lượng bí mật, ít người biết đến, với mật danh Nha Kỹ thuật, thuộc Bộ Tổng Tham mưu, Quân lực Việt Nam cộng hòa. Những quân nhân trong sắc lính bí mật này thường được gọi là Lôi Hổ, họ được xếp vào hàng lính biệt kích, thuộc lực lượng đặc biệt (gọi tắt là biệt kích). Người Mỹ cho rằng "*Nha Kỹ thuật là một huyền thoại trong cuộc chiến tranh Đông Dương*".

Cả Nha Kỹ thuật và lực lượng đặc biệt đều được Hoa Kỳ yểm trợ mạnh mẽ. Nha Kỹ thuật có tổ chức riêng biệt, dựa theo cơ cấu tổ chức của Lực lượng đặc biệt, (từ đây trở đi gọi là biệt kích). Các "Bộ" hoặc "Sở" chỉ huy (CCN, CCC, CCS-Command & Control North, Central, South), tương đương với các Bộ chỉ huy "C" (C1,C2, C3, C4) của biệt kích. Các "Căn cứ hành quân tiền phương" (FOB O Forward Operation Base), tương đương với các Ban chỉ huy "B" (B50, B52, B57, v.v...). Các toán "Lôi Hổ" tương đương với các phân đội "A" biên phòng.

Tháng 2 năm 1961, một chiếc thuyền đóng theo kiểu thuyền đánh cá ở Bắc Việt Nam trôi bồng bềnh ngoài khơi vịnh Bắc Bộ, lặng lẽ hướng về Cẩm Phả, một thị xã nhỏ ven biển. Hai đêm trước, chiếc thuyền đã lướt qua cảng Hải Phòng một cách chót lọt. Chiều ấy, lúc hoàng hôn, chủ nhân chiếc thuyền có thể thấy lờ mờ những rặng núi cao thuộc tỉnh Quảng Đông của Trung Quốc, ở vị trí khoảng 40 dặm về phía

bắc. Trường hợp không may xảy ra, nếu bị bao vây, sẽ không có một chiếc tàu nào của Mỹ và quân đội Sài Gòn đến giải cứu anh ta. Chiếc thuyền con này không phải được đóng ở ngoài Bắc mà ở Vũng Tàu, cách xa Cẩm Phả khoảng 800 dặm. Những người lái tàu đã được cơ quan tình báo CIA Mỹ bí mật tuyển chọn và huấn luyện để đưa một người Việt Nam đứng tuổi, đem theo máy truyền tin, tìm cách xâm nhập vào miền Bắc. Điệp viên mang bí danh Ares đã đặt chân lên đất Bắc một cách suôn sẻ.

Dưới thời Tổng thống Kenedy, tại điều khoản số 52 của Hội đồng An ninh Quốc gia cho phép cơ quan CIA sử dụng quân Biệt kích "Mũ nồi xanh" (Special Forces) và Người nhái Hải quân (Navy Seals) để huấn luyện, làm cố vấn cho quân nhân Việt Nam thực hiện những phi vụ bí mật, do ông trùm CIA là Colby tổ chức.

Tại thành phố biển Nha Trang, biệt kích Mỹ huấn luyện cho biệt kích quân Việt Nam, thuộc Liên đoàn biệt kích số 1, chuyên do thám đường mòn Hồ Chí Minh. Trong hai năm (1961-1962), Liên đoàn này đã tổ chức 41 cuộc hành quân truy tìm dấu vết hành lang vận chuyển của Quân đội nhân dân Việt Nam qua lãnh thổ Lào. Trong khi đó, tại Đà Nẵng, toán người nhái Mỹ lo huấn luyện cho thủy thủ Quân đội Sài Gòn chuyên chở người xâm nhập miền Bắc bằng đường biển. Ngoài ra, họ tổ chức thêm những toán biệt kích biển mở những cuộc tập kích bất ngờ vào các mục tiêu dọc theo bờ biển miền Bắc. Nhưng chỉ sau vài chuyến chót lọt, Hải quân nhân dân Việt Nam đã đề phòng, ngăn chặn và đánh chìm một số thuyền chiến của Quân đội Sài Gòn. Sau khi nhận định lại tình hình, cơ quan CIA quyết định thay đổi hướng xâm nhập miền Bắc bằng đường không, với sự tiếp ứng của Không quân Sài Gòn. Những nhân viên (thời điểm này họ vẫn là dân sự) chuẩn bị xâm nhập miền Bắc đều được huấn luyện tại căn cứ Long Thành (Biên Hòa), cách Sài Gòn khoảng 20 dặm về hướng đông. Quân Mũ nồi xanh và nhân viên CIA huấn luyện cho họ về nghiệp vụ tình báo, kỹ thuật phá hoại, sử dụng vũ khí, nhảy dù, đánh morse và kiếm sống. Nói chung là những khả năng để họ có thể tồn tại và hoạt động lâu dài trên đất Bắc.

Đến cuối mùa Xuân 1961, điệp viên Ares vẫn thường gửi những bức điện morse đến Trung tâm truyền tin viễn thông của CIA ở Philippines để

báo cáo tình hình. Qua những báo cáo của điệp viên Ares, CIA cho rằng thời kỳ tung gián điệp đơn tuyến đã kết thúc. Bắt đầu thời kỳ thả những toán biệt kích xâm nhập miền Bắc từ 3 đến 8 người. Thế nhưng họ đã không được may mắn như điệp viên Ares.

Chuyến đầu tiên thả toán biệt kích Atlas, họ đã không có cơ hội để gửi mật điện báo cáo là đã đến nơi, vì chiếc máy bay chở họ cũng biến mất luôn. Sau vụ này tướng Nguyễn Cao Kỳ đích thân lái máy bay, thả toán biệt kích thứ hai có tên là Castor, hy vọng xâm nhập sâu vào nội địa miền Bắc Việt Nam. Thế nhưng chỉ ba tháng sau, Hà Nội đưa ra xét xử công khai vụ ba biệt kích của toán Atlas còn sống sót. Ít lâu sau toán Castor cũng mất liên lạc. Rồi đến hai toán Dido và Echo cũng nằm trong tay lực lượng an ninh Bắc Việt. Toán cuối cùng thả xuống miền Bắc trong năm 1961, là toán biệt kích mang tên Tarzan cũng biệt vô âm tín.

Sau những sự kiện trên, mùa hè 1962, CIA quyết định bàn giao các hoạt động xâm nhập ở vùng Đông Nam Á cho Quân đội Mỹ và triển khai trong vòng 18 tháng. Chương trình bàn giao có tên gọi là "*Kế hoạch trở lại*" (Operation Switchback). Thế rồi nổ ra cuộc đảo chính lật đổ anh em Ngô Đình Diệm, ngày 1 tháng 11 năm 1963, dẫn đến nhiều biến đổi trong chính thể Sài Gòn, khiến cho kế hoạch bàn giao thêm chậm trễ. Mặt khác, Quân đội Mỹ vẫn chưa có một đơn vị đặc biệt nào để đảm nhận chương trình của CIA bàn giao. Trong lúc Quân đội nhân dân Việt Nam gia tăng mức độ chi viện cho chiến trường miền Nam. Để đối phó, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Mc Namara ra lệnh thả nhiều toán biệt kích ra miền Bắc để phá hoại, với lời đe doạ: "*Giới lãnh đạo miền Bắc nên biết rằng họ sẽ phải trả giá đắt, nếu còn tiếp tục nuôi dưỡng, cho quân xâm nhập vào miền Nam*".

Kế hoạch 34A (OPLAN 34A) được phê duyệt ngày 15 tháng 12 năm 1963, giới hạn một số mục tiêu phá hoại ở Bắc Việt Nam. Mặc dù Mc Namara ra sức thúc đẩy, kế hoạch 34A mãi cho đến ngày 1 tháng 2 năm 1964, mới được triển khai. Bộ Tư lệnh viện trợ quân sự Mỹ ở Việt Nam (MACV) mới lập xong một đơn vị, đảm nhiệm những hoạt động bí mật của CIA. Đơn vị này do một Đại tá chỉ huy, bao gồm nhiều sắc lính, từ biệt kích, người nhái, cho đến Không đoàn cảm tử (Air Commando). Đơn vị tổng hợp này lấy tên là *Liên đoàn hành quân đặc biệt*, gọi tắt là SOG

(Special Operation Group). Sau đó đổi tên để giữ bí mật, mặc dù vẫn viết tắt là SOG (Study and Observation Group). *Đoàn Nghiên cứu, quan sát*, tên mới nghe có vẻ như một trung tâm nghiên cứu, chỉ toàn những chuyên gia hoặc các giáo sư, tiến sĩ. SOG không trực thuộc cơ quan MACV hoặc cấp chỉ huy của MACV là tướng William Westmoreland, mà nhận lệnh thẳng từ Bộ Tổng Tham mưu Quân đội Mỹ (JCS) ở Lầu Năm Góc và thường nhận lệnh từ tòa Nhà Trắng. Chỉ có 5 sĩ quan cao cấp Mỹ ở Sài Gòn được báo cáo về những hoạt động bí mật của SOG, đó là Tướng Westmoreland, Tham mưu trưởng của ông ta, trưởng phòng Nhì, Tư lệnh Không quân và viên Tư lệnh lực lượng Hải quân Mỹ tại Việt Nam. SOG được phép mở những cuộc hành quân, xuất phát từ miền Nam Việt Nam và Thái Lan vào lãnh thổ Lào, Campuchia, Bắc Việt Nam và có thể ở cả phía bắc Miến Điện, Quảng Đông, Quảng Tây, Hồ Nam và đảo Hải Nam của Trung Quốc. Ngân sách chi cho SOG được dấu trong tài khoản dành cho Hải quân Mỹ. Chỉ huy SOG là Đại tá Clyde Russell, thuộc Binh chủng dù, từng tham gia đại chiến thế giới lần thứ II, sau đó chuyển sang lực lượng biệt kích trong những năm 50 của thế kỷ XX. Đại tá Clyde Russell đã từng có mặt trong Sư đoàn dù 82, đổ bộ xuống Pháp, Hà Lan. Rồi chỉ huy Liên đoàn biệt kích số 10 ở châu Âu; chỉ huy trưởng Liên đoàn biệt kích số 7, đóng căn cứ tại Fort Bragg, North Carolina. Theo kế hoạch 34A, Đại tá Russell và Ban tham mưu sẽ thay đổi cơ cấu tổ chức của Liên đoàn Nghiên cứu, quan sát, theo khung tổ chức lực lượng biệt kích xâm nhập OSS, với thế mạnh là có sự yểm trợ của các binh chủng Không quân, Hải quân và Tâm lý chiến. Cơ quan CIA cho SOG sử dụng hệ thống tiếp liệu đặc biệt với những thiết bị đặc biệt như vũ khí tối tân, dụng cụ câu dây điện thoại để nghe trộm. Đồ tiếp liệu bí mật này có trong căn cứ Chinen ở Okinawa. Ngoài ra, còn có thêm văn phòng chuyên lo việc tiếp tế cho SOG và lực lượng biệt kích. CIA bàn giao thêm cho SOG một phi đội máy bay C123 từ Đài Loan đến, do các phi công Đài Loan lái để thay thế loại máy bay C47 của Không quân Quân đội Sài Gòn. Phi đội này có tên là "Thứ Nhất", gồm bốn chiếc C123. Mỗi chiếc có một phi hành đoàn phụ để thực hiện những chuyến bay trên lãnh thổ miền Nam. Còn các phi công Đài Loan bay những phi vụ xâm